TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH,** TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2018/HS-ST
Ngày: 06 – 02 – 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miễn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trung Kiên
Bà Lê Ngọc Kiều

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Ngô Giang Nam, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Văn Hên, là Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2017/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2017/HSST - QĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

V – sinh năm 1988, tại thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau; chổ ở: huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau; nghề nhiệp: làm nông; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông H và bà Hu; vợ: không; tiền sự: không; tiền án: 03 tiền án (Bản án số 200/2010/HSPT ngày 28/12/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 04/6/2011; Bản án số 325/2013/HSST ngày 26/9/2013 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy, chấp hành xong 01/02/2016; Bản án số 45/2016/HSST ngày 08/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 12/3/2017); bị tạm giữ ngày 10/8/2017, tạm giam ngày 15/8/2017, ngày 06/9/2017 được gia đình bảo lãnh cho tại ngoại đến nay; bị cáo có mặt.

Người bị hại: Anh **T** – sinh năm 1966
Nơi cư trú: huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 09/8/2017, V và Đ đi bằng phương tiện xe mô tô của Đ đến Khánh An, huyện U Minh chơi. Khi đến Khu công nghiệp Khí – Điện – Đạm thì dừng xe, đi vệ sinh. Lúc này V nảy sinh ý định trộm cắp nên điều khiển xe chở Đ quay về. V rủ Đ tìm tài sản ai để sơ hở lấy trộm, Đ đồng ý. Khi đến nhà anh T thuộc ấp 10, xã Khánh An, V thấy nhà đóng cửa, xung quanh nhà có nhiều gà nên V dừng xe lại, kêu Đ ngồi trên xe đợi còn V đi vào trộm gà. V đi vào nhưng không bắt được gà. V đi thẳng ra nhà sau thấy cửa đóng kín, khóa bên trong, V dùng cây lau nhà cạy cửa bung ra, đi ra phía trước đến tủ phê lục soát trong tủ nhưng không có tài sản. V đến tủ bàn thờ lục soát cũng không có tài sản. V đi ra nhà sau thấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung galaxy Y lấy bỏ vào túi quần; lấy áo khoác treo gần đó trùm chiếc tivi hiệu TCL 21 inch và ôm tivi đi ra bằng cửa nhà sau. Sợ ôm tivi sẽ bị phát hiện nên V bỏ tivi lại ở cặp vách nhà, khi quay ra thì không thấy Đ và xe ở đâu. V đi bộ về hướng Tắc Thủ thì bị người dân phát hiện bắt giữ báo công an xã Khánh An lập biên bản, kiểm tra người V và phát hiện 01 điện thoại di động hiệu Samsung galaxy Y.

Tại kết luận số 24, ngày 10/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện U Minh kết luận: 01 Tivi TCL 21 Inch, màn hình phẳng đã qua sử dụng, mua năm 2014 trị giá 1.428.000 đồng. 01 điện thoại di động Samsung Galaxy Y GT-S5360 màu trắng, mua năm 2013 trị giá: 297.000 đồng. Tổng trị giá tài sản 1.725.000 đồng.

Tang vật: Chiếc Tivi và chiếc điện thoại di động Cơ quan điều tra Công an huyện U Minh đã trả lại cho anh T, anh T đã nhận và không yêu bồi thường gì thêm chỉ yêu cầu xử lý hình sự đối với V.

Cáo trạng số: 38/KSĐT-KT ngày 22 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo V về tội " Trộm cắp tài sản " theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138 và điểm g, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt V từ 06 tháng đến 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình tiến hành tố tụng không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cũng như người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa bị cáo V thừa nhận: Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 09/8/2017 bị cáo đã lén lút vào nhà anh T lấy cắp 01 chiếc điện thoại và 01 chiếc ti vi. Khi lấy ti vi đem ra khỏi nhà sợ bị phát hiện nên bị cáo bỏ lại chiếc ti vi tại cặp vách nhà còn lấy đi chiếc điện thoại. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các chứng cứ khác có tại hồ sơ. Có đủ căn cứ để xác định bị cáo V đã vào nhà anh T lấy cắp chiếc điện thoại di động và chiếc ti vi, tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị thành tiền là 1.725.000 đồng. Mặc dù giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt chỉ có 1.725.000 đồng nhưng nhân thân bị cáo đã có tiền án về tội trộm cắp chưa được xóa án tích. Theo quy định của Bộ luật hình sự thì hành vi vi phạm này bị cáo V đã phạm vào tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 điều 138 – Bộ luật hình sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Mặc khác, bị cáo khai nhận bị cáo thực hiện tội phạm cùng với tên Đ, nhưng hành vi phạm tội này của bị cáo không phải là phạm tội thuộc trường hợp có tính chất có tổ chức.

[3] Xét tính chất và mức độ phạm tội mà bị cáo gây ra là nghiêm trọng, là nguy hiểm cho xã hội. Tài sản người bị hại cất giữ trong nhà cẩn thận nhưng bị cáo đã lén lút cạy cửa vào nhà để chiếm đoạt. Nguyên nhân phạm tội là do chay lười lao động; động cơ và mục đích phạm tội của bị cáo là để có tiền tiêu xài cá nhân. Nhân thân của bị cáo xấu, với 03 lần phạm tội bị Tòa án xử phạt. Song có xem xét khi bị bắt bị cáo thành khẩn khai báo; tài sản đã được thu hồi và trả lại người bị hại xong nên thiệt hại đã được khắc phục. Tất cả các tình tiết trên được xem xét cân nhất trong lượng hình phạt đối với bị cáo.

Theo lời khai của bị cáo, thì bị cáo thực hiện hành vi phạm tội cùng với tên Đ, nhưng hiện nay tên Đ đã bỏ đi khỏi nơi cư trú chưa làm việc được nên Cơ quan điều tra đã tách ra để xem xét xử lý sau. Việc tách tên Đ ra để xem xét xử lý sau của Cơ quan điều tra là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi trả lại bị hại xong, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Tại điểm c khoản 2 và khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự quy định: Người bị kết án phải chịu án phí theo quy định của Tòa án; tại điểm a khoản 1 Điều 23 – Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 – 12 – 2016 quy định: Người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; do đó Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; của Bộ luật hình sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tuyên xử: Bị cáo V phạm tội: " Trộm cắp tài sản".

Tuyên phạt: Bị cáo V 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt V đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 10/8/2017 đến ngày 06/9/2017.

[2] Áp dụng điểm c khoản 2 và khoản 1 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 – Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 – 12 – 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

[3] Phạm V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trần Văn Tính có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo, bị hại;
- VKSND huyện U Minh;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cơ quan Điều tra CA. U Minh;
- Cơ quan THA HS huyện U Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án U Minh.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trịnh Xuân Miễn